TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12/2019/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 07 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 27/02/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông **Trần Quốc C,** sinh năm: 1958.
Địa chỉ: ấp A, xã B, Thành phố C, tỉnh Bến Tre.
+ Bị đơn: Bà **Lê Xuân T**, sinh năm: 1979.
Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện H, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Lê Xuân T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Quốc C số tiền là 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*.

Thời điểm trả như sau:

- Lần 01: Vào ngày 27/3/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 02: Vào ngày 27/4/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 03: Vào ngày 27/5/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 04: Vào ngày 27/6/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 05: Vào ngày 27/7/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 06: Vào ngày 27/8/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 07: Vào ngày 27/9/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 08: Vào ngày 27/10/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 09: Vào ngày 27/11/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).
- Lần 10: Vào ngày 27/12/2019 trả 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Ghi nhận ông C không yêu cầu bà T trả tiếp số tiền còn nợ và không yêu cầu tính lãi của số tiền trên đến thời điểm hai bên thỏa thuận trả nợ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông C nếu bà T chưa trả số tiền trên thì hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Xuân T phải chịu là: 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Ông Trần Quốc C được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng